TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/DS-ST
Ngày: 12/8/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bàng**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Hoa**

Ông **Trần Đức Hiếu**

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Văn Thoảng - Thư ký, Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 17/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐST-DS ngày 04/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐHPT-DS ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty S (VPB SMBC FC). Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ree Tower, số 9 Đoàn Văn Bơ, phường 13, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng Gi, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thúy K, chức vụ: Trưởng bộ phận hỗ trợ xử lý tín dụng ngoại bảng *(theo văn bản ủy quyền số 43/UQ-XLTD.21 ngày 06/12/2021 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty S).* Bà Lê Thúy K ủy quyền lại cho Ông Lê Đình Minh T, sinh năm 1999. Địa chỉ: X đường L, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng *(theo văn bản ủy quyền ngày 05/01/2022)*. Ông T có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Công T, sinh năm 1985; Địa chỉ: A đường B, phường K, quận C, TP Đà Nẵng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện ghi ngày 05/01/2022 của nguyên đơn là Công ty S và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Lê Đình Minh T trình bày:*

Ngày 13/3/2020 ông Trần Công T có ký kết với Công ty S hợp đồng tín dụng số 20200317-0993352 *(bao gồm Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng và phê duyệt của VPB FC - gọi chung là Hợp đồng)*. Theo đó, Công ty S cho ông Trần Công T vay số tiền 28.485.000 đồng, lãi suất 3.25%/ tháng. Mục đích để tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 36 tháng.

Theo thỏa thuận, ông Trần Công T phải thanh toán cho Công ty S số tiền tổng cộng là 47.457.769 đồng (gồm cả gốc và lãi cho cả thời gian vay), mỗi tháng trả 1.353.844 đồng đối với 35 tháng đầu, tháng cuối cùng trả 73.229 đồng, thanh toán vào ngày 02 hằng tháng; quá trình vay ông T đã thanh toán cho Công ty S được 3 lần với tổng số tiền là 9.965.844 đồng. Kể từ ngày 26/11/2021 ông T không thanh toán bất kỳ khoản nào cho Công ty S. Sau đó, Công ty S đã nhiều lần yêu cầu ông T trả nợ cho Công ty nhưng ông T vẫn không thanh toán. Ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Công ty S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả một lần toàn bộ số tiền (tính đến ngày hết hạn hợp đồng vào ngày 02/3/2023) cho Công ty S tổng số tiền nợ là 37.491.925 đồng trong đó bao gồm 21.227.186 đồng tiền gốc và 16.264.739 đồng tiền lãi.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có bản khai thay đổi yêu cầu về phần tiền lãi. Ông T không thanh toán cả gốc và lãi từ tháng 5/2020, đến tháng 10/2020 ông T thanh toán 3.600.000 đồng nên sẽ được trừ vào tiền gốc và lãi các tháng chưa thanh toán gồm tháng 5/2020 là 467.582 đồng tiền gốc và 898.262 đồng tiền lãi; tháng 6/2020 là 470.388 đồng tiền gốc và 883.456 đồng tiền lãi; tháng 7/2020 là 24.144 đồng tiền gốc và 868.168 đồng tiền lãi. Đến ngày 26/11/2021 ông T thanh toán được 5.000.000 đồng được trừ vào tiền dư nợ gốc. Như vậy, ông T đã thanh toán được 6.808.282 đồng tiền gốc và 3.157.562 đồng tiền lãi. Nay Công ty yêu cầu ông Trần Công T trả khoản tiền gốc còn lại và tiền lãi tính từ tháng ông T không trả được lãi là từ tháng 8/2020 đến ngày 02/6/2022 là 23 tháng, số tiền lãi tính theo bảng tính chi tiết của Công ty S tổng cộng là 14.370.277 đồng.

Tổng cộng yêu cầu ông T trả cho Công ty S là 36.046.995 đồng (gồm 21.676.718 đồng tiền gốc và 14.370.277 đồng tiền lãi) và yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 03/6/2022 đến khi ông T thanh toán hết nợ cho Công ty.

**** Đối với bị đơn ông Trần Công T:*** mặc dù đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T không tham gia, không đến Tòa án để làm việc, vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Việc Công ty S ký kết hợp đồng tín dụng với ông Trần Công T, mục đích vay tiêu dùng là hoạt động cấp tín dụng theo quy định tại Điều 3 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng. Nguyên đơn

Công ty S khởi kiện yêu cầu bị đơn Trần Công T phải trả số tiền vay và tiền lãi còn nợ. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Công ty S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là ông Trần Công T, có nơi cư trú trên địa bàn quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa Công ty S với ông Trần Công T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Công T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Trần Công T.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu thay đổi về phần tiền lãi tại phiên tòa đối với khoản tiền còn nợ tổng cộng là 36.046.995 đồng trong đó bao gồm 21.676.718 đồng tiền gốc và 14.370.277 đồng tiền lãi thì thấy:

Ngày 13/3/2020 Công ty S và ông Trần Công T có ký kết hợp đồng tín dụng số 20200317-0993352, theo đó Công ty S cho ông T vay số tiền 28.485.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Đây là hợp đồng tín chấp, không có đảm bảo bằng tài sản, phù hợp về nội dung, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được thừa nhận và bảo vệ. Theo hợp đồng các bên đã thỏa thuận, ông Trần Công T có nghĩa vụ thanh toán mỗi tháng 1.353.844 đồng đối với 35 tháng đầu, tháng cuối cùng trả 73.229 đồng cho Công ty S. Trong quá trình vay, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng được 3 lần, số tiền đã trả là 9.965.844 đồng, trong đó tiền gốc đã trả là 6.808.282 đồng, tiền lãi đã trả là 3.157.562 đồng. Kể từ ngày 26/11/2021 ông T không thanh toán bất kỳ khoản nợ nào cho Công ty S. Sau đó, Công ty S đã nhiều lần yêu cầu ông T trả nợ cho Công ty nhưng ông T vẫn không thanh toán.

Hội đồng xét xử thấy rằng, ông Trần Công T đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 02/6/2022 ông T còn nợ Công ty S số tiền gốc là 21.676.718 đồng, tiền lãi tính từ thời gian ông T không trả được nợ lãi là từ tháng 8/2020 đến 02/6/2022 là 23 tháng, lãi suất 3.25%/ tháng, Tơng đương tổng số tiền lãi là 14.370.277 đồng (theo bảng kế hoạch trả nợ).

Vậy tổng số tiền gốc và tiền lãi ông Trần Công T còn nợ Công ty S là 36.046.995 đồng. Ông T không trả được nợ và vi phạm cam kết trong hợp đồng tín dụng và là người có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng. Do đó, Công ty S khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Công T phải trả số tiền nợ trên cho Công ty S.

Đối với bị đơn ông Trần Công T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ông T vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện ông thiếu thiện chí trả nợ cho Công ty S. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời buộc ông Trần Công T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty S số tiền 36.046.995 đồng. và tiếp tục phải trả lãi từ ngày 03/6/2022 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% x 36.046.995 đồng = **1.802.349** đồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Công ty S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147; 227; 228; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Các Điều 13, 18, 23, 27 và 28 Thông T số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty S về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với ông Trần Công T.

2. Buộc ông Trần Công T phải trả cho Công ty S tổng số tiền 36.046.995 đồng (bao gồm tiền gốc là 21.676.718 đồng và tiền lãi 14.370.277 đồng tính đến ngày 02/6/2022) và phải tiếp tục trả lãi từ ngày 03/6/2022 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **1.802.349** đồng (Một triệu tám trăm lẻ hai nghìn, ba trăm bốn mươi chín đồng).

Hoàn trả cho Công ty S số tiền tạm ứng án phí 937.000 đồng (Chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001739 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 12/8/2022.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Bàng